

LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA TRONG CÁI NHÌN NGHỆ THUẬT CỦA NGUYỄN THẾ QUANG

Bùi Nguyễn Sao Mai

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: buinguyensaomai@quangbinh.edu.vn

Ngày nhận bài: 17/7/2019; ngày hoàn thành phản biện: 3/8/2019; ngày duyệt đăng: 02/10/2019

TÓM TẮT

Tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Thế Quang là biểu hiện sinh động cho những nỗ lực tìm tòi, thể nghiệm, đổi mới tư duy tự sự lịch sử. Với quan niệm viết để đi sâu khám phá số phận con người, đối thoại với thực tại, Nguyễn Thế Quang đã mang tới cái nhìn khách quan, tính dân chủ, đối thoại về các vấn đề lịch sử, văn hóa. Đồng thời, nhà văn cũng thể hiện những trăn trở về trách nhiệm của trí thức với vận mệnh dân tộc và các giá trị văn hóa, tinh thần thời đại. Bài viết tập trung làm rõ cách luận giải lịch sử, văn hóa trong cái nhìn nghệ thuật của Nguyễn Thế Quang thông qua hai tiểu thuyết lịch sử *Nguyễn Du* và *Thông reo Ngàn Hồng*.

Từ khóa: tiểu thuyết lịch sử, tinh thần thời đại, văn hóa truyền thống.

Sau 1986, trong bối cảnh giao lưu và hội nhập quốc tế, tiểu thuyết lịch sử xuất hiện bằng một dáng vẻ mới. Lịch sử trong tâm thức các nhà văn không đơn thuần là những sự kiện, nhân vật lịch sử mà gắn liền với nó là yếu tố văn hóa. Với *Nguyễn Du* và *Thông reo Ngàn Hồng*, Nguyễn Thế Quang đã mượn lịch sử để tìm kiếm, phân tích, luận giải những vấn đề của hiện tại, gửi gắm giá trị giáo dục, giá trị nhân văn rất sâu sắc. Thông qua đó, người đọc có thể nhận diện gương mặt và bước đi của lịch sử qua hành trình và số phận của các nhân vật một thời.

1. KHÁT VỌNG MỞ MANG BỜ CÕI VÀ THỐNG NHẤT GIANG SƠN CỦA BẠC ĐẾ VƯƠNG

Lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử của những ngày tháng dựng nước và giữ nước. Dựng nước luôn luôn gắn chặt với giữ nước, trong đó dựng nước là yếu tố cơ bản. Phải xây dựng được đất nước hùng mạnh về mọi mặt mới có điều kiện, khả năng chiến thắng các thế lực thù địch và phải giữ được nước mới có điều kiện để xây dựng đất nước. Trong quá trình hình thành và phát triển, truyền thống đó ảnh hưởng sâu sắc

đến hệ tư tưởng và các thành quả tinh thần, vật chất của nhân dân ta. Mục tiêu độc lập dân tộc không tách rời với thống nhất đất nước cũng là truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Giữa thế kỷ XVIII, những cuộc nội chiến liên miên giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn khiến đất nước đứng trước nguy cơ của sự chia cắt. Khi chế độ phong kiến ở Đàng Ngoài lâm vào khủng hoảng sâu sắc, các phong trào nông dân nổ ra đều bị đàn áp. Năm 1744, ở Đàng Trong chúa Nguyễn xưng vương, bắt tay xây dựng chính quyền Trung ương, nước ta bị chia làm hai. Chính quyền Đàng Trong suy yếu, đời sống nhân dân vô cùng cực khổ. Các phong trào nông dân ồ ạt bùng nổ ở Đàng Trong. Sự chia cắt Đàng Trong, Đàng Ngoài trong khoảng thời gian dài khiến yêu cầu thống nhất đất nước trở nên vô cùng bức xúc.

Xuất phát từ việc lựa chọn giai đoạn lịch sử có nhiều biến động, Nguyễn Thế Quang khi khai thác về đề tài này cũng không bỏ qua yêu cầu cấp thiết của thời đại là mở mang bờ cõi và thống nhất giang sơn. Yêu cầu đó có lẽ cũng là khát vọng lớn nhất của bậc đế vương khi đứng trên ngôi vị của mình. Trong tiểu thuyết *Nguyễn Du*, Nguyễn Thế Quang lựa chọn thời điểm lịch sử khi triều Tây Sơn bị đánh bại, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia Long. Với hoàn cảnh mới rộng dài về cương vực lãnh thổ, những tập đoàn phong kiến cát cứ không còn, mâu thuẫn nội bộ vương triều đã được hóa giải, nền độc lập được bảo toàn, vương triều Nguyễn từ đầu thế kỉ XIX bước vào củng cố nền độc lập thống nhất sau mấy trăm năm phân quyền cát cứ và chiến tranh loạn li. Tuy nhiên, thống nhất đất nước không chỉ là sự thống nhất về mặt địa lí, chính trị mà còn là sự thống nhất trong tâm thức con người.

Trong những ngày tháng trị vì đất nước đầu tiên, điều Gia Long trăn trở, lo lắng nhất đó là lòng dân: “Lòng dân từ Phú Xuân trở vào ta tin là nặng lòng theo ta. Còn từ Phú Xuân trở ra - nhất là từ xứ Nghệ cho đến Lạng Sơn lòng người chắc không thuận. Bao nhiêu danh gia vọng tộc, bao nhiêu nho sĩ bao đời ăn bổng lộc của Lê triều cũng như các triều trước. Con cháu nhà Mạc, nhà Hồ cũng có niềm căm ghét, ghen tị nhà Nguyễn Gia Miêu ta. Ta chưa mang đến cho họ một chút bổng lộc nào” [4, tr.13]. Cùng với sự lo lắng đó, Gia Long còn mang trong mình khát vọng thu phục sĩ phu Bắc Hà: “Đó là những kẻ tôi trung với nhà Lê không ra làm quan cho ngụy Tây Sơn, chờ thời hành chí. Đất Thăng Long hàng ngàn năm văn hiến chắc học vấn họ lớn, mình phải làm sao thu phục cho được” [4, tr.14]. Cho đến khi nắm giữ đất nước đã ba năm nhưng những trăn trở, băn khoăn đó vẫn là điều ám ảnh tâm trí ông: “Dân Bắc còn nặng lòng với nhà Lê, với Tây Sơn hay quan quân ta làm điều trái đạo để dân bất tuân? Rồi còn đám sĩ phu nữa. Đặng Trần Thường vừa dâng sớ cử mười bốn người về kinh dùng, liệu có tin tưởng được đám người xứ Bắc này không? Sĩ phu Thăng Long cứ nghĩ đến bốn từ đó ta lại thấy lo lo” [4, tr.74]. Ngay cả thời điểm Gia Long chọn người lập Hoàng thái tử, vị vua này vẫn chỉ một lòng mong muốn chọn người “giữ được vẹn toàn giang sơn mà ngàn năm nay muôn họ muôn dân gây dựng nên đã đổ bao núi

thây sông máu mới giữ được” [4, tr.276]. Ở giây phút cuối cùng của cuộc đời mình, điều ông trăn trối lại với Hoàng thái tử cũng là: “Giữ vẹn toàn giang sơn là việc hệ trọng nhất. Chớ nên gây lấn ngoài biên và cũng không được để cho ngoại biên lấy một tấc đất nào của Việt quốc ta” [4, tr.389].

Như vậy, nếu như giới nghiên cứu lịch sử còn nhiều tranh cãi khi nói đến vai trò của Gia Long, của triều Nguyễn đối với đất nước thì ở tác phẩm *Nguyễn Du*, Nguyễn Thế Quang đã khắc họa Gia Long với phẩm chất của một bậc đế vương. Người đọc tìm thấy một vị vua luôn trăn trở vì sự an nguy của dân chúng, khát khao thống nhất đất nước cả về mặt lãnh thổ lẫn tâm thức. Đây cũng là cách Nguyễn Thế Quang luận giải quá khứ để mang đến những thông điệp cho hiện tại khi đất nước đang trải qua nhiều biến động.

Không chỉ đấu tranh thống nhất đất nước, bậc đế vương luôn có tham vọng mở mang bờ cõi, mở rộng lãnh thổ. Việc làm này vừa là tiền đề cho những sự phát triển kinh tế, xã hội nhưng nó cũng thể hiện tầm vóc của người đứng đầu đất nước. Trong tiểu thuyết *Thông reo Ngàn Hồng*, chân dung vua Minh Mạng được xây dựng chủ yếu bằng những nét tương đồng với chính sử. Minh Mạng được nhìn nhận là một vị vua năng động, quyết đoán, tinh thông Nho học, hiểu biết, coi trọng học vấn và là nhà chính trị, quân sự tài ba. Từ khi lên ngôi, Minh Mạng đã có rất nhiều cải cách từ nội trị đến ngoại giao giúp cho đất nước giai đoạn ông trị vì là thời kỳ thịnh trị nhất trong lịch sử vương triều nhà Nguyễn. Vua Minh Mạng từ khi lên ngôi đã thực hiện nhiều chính sách mới mẻ, có lợi cho dân chúng. Tiêu biểu nhất là chính sách khai hoang lấn biển. Sau khi Nguyễn Công Trứ dâng tấu, vua Minh Mạng đã đồng ý cấp tiền làm nhà, mua trâu, cử Nguyễn Công Trứ và quan quân cùng nhân dân khai khẩn lập ấp làm ruộng. Chính quyền Minh Mạng chủ trương dùng biện pháp khẩn hoang như một giải pháp trọng yếu giúp an dân và ổn định biên cương. Vì vậy, trong 20 năm trị vì của vua Minh Mạng, nền kinh tế Việt Nam đã có những thành tựu nhất định, nhiều vùng đất mới được khai khẩn thành lập như huyện Tiền Hải thuộc phủ Kiến Xương, Nam Định; huyện Kim Sơn thuộc phủ Yên Khánh, Ninh Bình; đào xong sông Vĩnh Tế ở Nam Kỳ, sông thoát lũ Cửu An ở Hưng Yên; ruộng đất canh tác được mở rộng, dân số được tăng thêm. Việc khai hoang, lập ấp là một sự đảm bảo chắc chắn cho công cuộc kháng định và ổn định chủ quyền. Một khi nhân dân đã tụ tập, sinh sống tại một vùng đất nào thì sẽ nhanh chóng hình thành ý thức bảo vệ vùng đất ấy trước các thế lực bên ngoài. Do đó, việc các vị vua triều Nguyễn như Gia Long, Minh Mạng chủ trương di dân đến các vùng đất nhạ cảm lúc bấy giờ là một chủ trương đúng đắn, góp phần tạo ra sự vững chắc cho biên giới quốc gia, chủ quyền lãnh thổ.

Như vậy, với việc phản ánh khát vọng mở mang bờ cõi và thống nhất đất nước của bậc đế vương, Nguyễn Thế Quang đã tạo nên sự kết nối giữa lịch sử, quá khứ và hiện tại để đem đến những bài học quý giá, cần thiết cho con người hôm nay. Nói cách khác, nhà tiểu thuyết chỉ mượn lịch sử, với thời đại và sự kiện lịch sử để thông qua đó

gửi gắm bức thông điệp của mình. Lựa chọn những vấn đề của quá khứ nhưng là cách Nguyễn Thế Quang đề cập đến chính con người hiện tại, để giữ gìn sự thống nhất dân tộc trước các hành động chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân. Từ đó, soi rọi vào hiện tại để rút ra được những bài học trong thời buổi nhiều biến động, nhiều vấn đề quốc tế và khu vực đang tác động hết sức mạnh mẽ và sâu sắc đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội, chính trị của đất nước. Đặc biệt là vấn đề chủ quyền an ninh quốc gia đang trở thành vấn đề thách thức bản lĩnh dân tộc. Nhà văn đã thẳng thắn đưa ra những đối thoại với lịch sử và hiện tại về vấn đề hết sức bức thiết này.

2. TRÁCH NHIỆM CỦA TRÍ THỨC VỚI MỆNH VẬN DÂN TỘC VÀ SỐ PHẬN NHÂN DÂN

Việt Nam là dân tộc có truyền thống văn hiến, mà yếu tố hết sức quan trọng làm nên văn hiến là trí tuệ, học thức và vai trò của các bậc trí thức, bậc hiền tài trong suốt lịch sử nước ta từ thuở lập quốc đến nay. Số phận của một đất nước hay một hành trình văn hoá luôn có mặt và sự đóng góp quan trọng của giới trí thức. Trong lịch sử, tùy vào thời cuộc, sự nhập thế, dẫn thân của trí thức mỗi lúc một khác. Ở thời kì phong kiến, tầng lớp trí thức trở thành một lực lượng chính trị quan trọng, đóng vai trò tiên phong, xung kích, góp phần quyết định chiều hướng phát triển của đất nước.

Khi khám phá đề tài lịch sử, Nguyễn Thế Quang dành khá nhiều bút lực để luận giải vai trò của người trí thức đối với vận mệnh dân tộc và số phận nhân dân. Trong tiểu thuyết *Nguyễn Du*, các nhân vật lịch sử của cả một giai đoạn đầu triều Nguyễn như vua Gia Long, vua Minh Mạng, Ngô Thời Nhậm, Đặng Trần Thường, Nguyễn Văn Thành, Ngô Nhân Tĩnh, Vũ Trinh.... và nhất là Nguyễn Du - nhân vật chính, đều được tác giả vẽ lên khá chân thực, đa dạng và sinh động qua các sự kiện có thật mà lịch sử đã ghi lại. Nhà văn có cái nhìn toàn diện về vai trò của tầng lớp trí thức. Lấy bối cảnh xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX, tầng lớp trí thức là lực lượng góp mặt nổi bật trong những ngày tháng đầu tiên xây dựng đất nước của triều đình nhà Nguyễn. Nhận thức được vai trò và tầm ảnh hưởng lớn lao của tầng lớp trí thức, vua Gia Long từ khi lên ngôi luôn đau đầu tìm kiếm người hiền tài ra phục vụ chế độ mới. Ông mang tham vọng chiêu hiền đãi sĩ, vì trên tư cách bậc đế vương, ông hiểu hơn ai hết tầm ảnh hưởng của những nhân cách lớn, những trí thức lớn đối với quần chúng. Làm chủ được những con người như vậy và biến họ trở thành cánh tay nối dài là niềm ước ao của bất kì bậc đế chủ nào: “Ngày mai cứ phải phủ dụ an ủi và mời ra cộng sự với quốc gia. Tranh thủ được tình cảm của lớp người này là rất quan trọng. Họ sẽ về các phủ huyện. Họ là tai mắt, là tay chân của ta. Họ sẽ là lực lượng quan trọng làm cho mọi người hiểu ta, quý ta hay ghét ta. Họ là những nhà nho sĩ gần dân hiểu dân và rất được dân quý dân tin. Nếu họ theo ta, họ sẽ là người giúp ta làm

cho quốc thái dân an. Nếu họ không theo ta, họ sẽ xúi giục dân nổi loạn, mọi việc sẽ rối” [4, tr.14].

Đối với những bề tôi như Ngô Thời Nhậm, Đặng Trần Thường, Nguyễn Văn Thành, Ngô Nhân Tĩnh, Vũ Trinh, Nguyễn Nễ, Nguyễn Du... dù phải đứng trước những sự lựa chọn, đấu tranh nhưng với ý thức trách nhiệm của người trí thức, họ chấp nhận dẫn thân, tiếp tục phụng sự triều đình và dân chúng. Đọc *Nguyễn Du*, độc giả bắt gặp hình ảnh một kẻ sĩ khao khát tự do, ghét quyền lực. Tuy nhiên, thẳm sâu trong tâm hồn Nguyễn Du là nỗi dằn vặt về một đất nước còn nhiều bất công, nghịch lí. Dù muốn trốn tránh chốn quan trường ồn ào, ganh đua để giữ gìn phẩm cách nhưng ông vẫn nặng lòng với dân, với nước. Trước khi về Quảng Bình làm Cai bạ, ông từng trần trố với Ngô Nhân Tĩnh: “Đất nước sau chiến tranh dân khốn đói nhiều, Quảng Bình là nơi hơn hai trăm năm là chiến địa tranh giành Trịnh Nguyễn, là nơi khó khăn nhất. Không hiểu đệ về đó có làm được gì cho dân không?” [4, tr.108]. Nhìn nhân dân đói khổ, điều linh, nhận ra bản chất tham tàn của giai cấp thống trị, Nguyễn Du đau đớn: “Sao người dân khổ cực trăm bề: ở rừng thì bị rắn rết hổ báo ăn thịt, ở biển khơi thì biển cả nuốt xác. Và điều nguy hại hơn là ở đâu, dù miền núi cao hay đồng quê, biển cả đều bị quan lại tham tàn ăn thịt. Hổ báo có khi tránh được, biển cả có khi thoát được, còn cường hào ác bá quan tham đâu đâu cũng có, đời nào cũng có và hình như ngày càng tham tàn hơn, dân chúng thoát sao nổi?” [4, tr.134]. Những trần trố, day dứt của Nguyễn Du cũng chính là tâm trạng chung của những kẻ sĩ có trách nhiệm với dân, với nước.

Không chỉ dừng lại ở việc trần trố, suy nghĩ, kẻ sĩ dưới ngòi bút Nguyễn Thế Quang còn mang trong mình tâm thế cống hiến, lập công, lập danh để làm tròn nghĩa vụ với dân chúng. Trong *Thông reo Ngàn Hống*, nếu Phạm Đình Hồ quyết định rời chốn quan trường trở về làng bởi “thấy chốn này không hợp với ta, về với lũy tre làng, ngao du cùng non xanh nước biếc” [5, tr.44], thì Nguyễn Công Trứ lại lựa chọn cách hành xử khác. Phạm Đình Hồ và Nguyễn Công Trứ đều là những con người có bản tính nóng nảy, bộc trực, ghét sự xu nịnh, ghét những bon chen tầm thường. Tuy nhiên, Nguyễn không chọn cách trốn tránh như Phạm hay nhiều kẻ sĩ khác mà ông đối mặt: “Chi có no ấm mới có sự yên bình. Đánh dẹp kẻ phản loạn chỉ là chuyện bất đắc dĩ, cái cần nhất là phải làm cho dân no. “Làm trai đứng ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông” - cái danh làm được cho dân no là cần nhất, lớn nhất mà cũng khó nhất. Khó thì ta không sợ! Phải quyết làm. Không có quyền lực không thể làm được gì cho bách tính, không thể lập được công danh, không thể tung hoành cho phi chí nam nhi của mình” [5, tr.46]. Xuất phát từ quan điểm đó, Nguyễn Công Trứ đã tự nguyện dâng sớ đảm đương công việc khai hoang để lấy nơi làm ăn, sinh sống cho dân nghèo. Như vậy, cách hành xử của Nguyễn Công Trứ là cách hành xử của một kẻ sĩ biết dẫn thân, dẫn thân vì lí tưởng, vì sự nghiệp, vì quần chúng nhân dân.

Cũng trong *Thông reo Ngàn Hồng*, một nhân vật không thể không nhắc tới đó là Cao Bá Quát. Nổi tiếng là người thông minh, tài hoa, Cao Bá Quát vào triều làm quan cũng vì mục đích phụng sự dân chúng. Tuy nhiên, ngày qua ngày, thấy những điều chướng tai gai mắt, trông cảnh người dân lầm than, cơ cực mà bản thân thì bất lực, Cao Bá Quát bi phẫn: “Dân cày cùng đường, quan tốt cùng đường, kẻ sĩ cùng đường, can có bởi vì đâu?” [5, tr.363]. Nguyễn Công Trứ nhận ra trong lòng Cao Bá Quát tất cả đã đổ vỡ. Và sự lựa chọn trở thành người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nông dân chống lại triều đình có lẽ là hệ quả tất yếu cho những dồn nén mà Cao phải gánh chịu trong suốt một thời gian dài. Lựa chọn làm giặc, đối đầu với triều đình, trở thành kẻ phản trắc có lẽ không phải là sự lựa chọn dễ dàng. Tuy nhiên, với mong muốn “có một triều đại tốt đẹp như thời Nghiêu, Thuấn, đặt tự mình là Chu Thần (tôi trung của nhà Chu), muốn đem tài năng phụng sự quân vương. Thế nhưng suốt hơn hai mươi năm, qua bao thăng trầm, đi nhiều nơi, biết nhiều điều, ôm mối hoài bão “tiên ưu hậu lạc” (lo trước thiên hạ) nhưng không được lo, bị đày vào rừng núi Quảng Nam, rồi bị đẩy ra khỏi kinh kì thành người thừa. Kẻ sĩ có cốt cách cứng cỏi như đệ ấy, chí lớn như đệ ấy, không chịu nổi dẫn đến chỗ làm như vậy là điều dễ hiểu” [5, tr.581]. Như vậy, có thể nói rằng, Cao Bá Quát vì muốn làm tôi trung mà bị dồn đến cảnh phải vùng lên làm giặc.

Xuất phát từ quan điểm viết tiểu thuyết lịch sử “để khám phá bản chất đời sống đã qua nhằm đối thoại với thực tại, hướng đến sự tiến bộ...” [3], Nguyễn Thế Quang đặt ra vấn đề trách nhiệm của kẻ sĩ trước sự hưng vong của đất nước. Ở cả hai cuốn tiểu thuyết *Nguyễn Du* và *Thông reo Ngàn Hồng*, tác giả khai thác mối quan hệ giữa Hoàng đế và kẻ sĩ, quyền lực và trí thức. Trong đó, vấn đề được khai thác sâu hơn đó là vai trò và trách nhiệm của kẻ sĩ, của trí thức với đất nước qua một loạt nhân vật. Có người biết sống, biết lập công, lập danh, có người phải mòn mỏi trong chốn cung đình, có người bỏ áo mũ cân đai mà rong chơi, có kẻ chỉ biết xu nịnh cho đẹp lòng quân vương; lại có kẻ tốt bụng, chân thành nhưng tầm nhìn hẹp nên đã kéo lùi lịch sử và có cả người muốn làm tôi trung mà bị dồn đến cảnh phải vùng lên làm giặc. Từ đó, tác giả muốn khẳng định: cùng với quân vương nắm quyền lực cai quản giang sơn, những kẻ sĩ, những trí thức phải có trách nhiệm và chịu trách nhiệm trong mọi sự hưng vong của đất nước: “quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”. Bằng tất cả tâm huyết cùng nỗi đau và khát vọng, tác giả muốn đề cao trách nhiệm của kẻ sĩ, trí thức trong mọi thăng trầm của lịch sử.

3. VAI TRÒ CỦA NGƯỜI NGHỆ SĨ VỚI VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG VÀ TINH THẦN THỜI ĐẠI

Lựa chọn thể tài tiểu thuyết lịch sử, Nguyễn Thế Quang không chỉ hướng đến các vấn đề lịch sử, nhân vật lịch sử, không chỉ khắc họa, tái hiện hay luận bàn về

những câu chuyện lớn lao liên quan đến vận mệnh dân tộc, mà còn dành một sự quan tâm rất lớn đối với văn hóa truyền thống và tinh thần thời đại. Yếu tố văn hóa giữ một vị trí và vai trò vô cùng quan trọng, là sự biểu hiện tập trung sức sống, bản lĩnh tâm hồn của một dân tộc. Việt Nam là quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, với sự hội tụ của nhiều màu sắc khác nhau, hết sức phong phú. Từ xưa đến nay, gắn liền với những cuộc chiến tranh bảo vệ độc lập, thống nhất là bảo vệ bản sắc văn hóa của dân tộc, đây có thể nói là vấn đề sống còn của một đất nước.

Lịch sử nước ta cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX ghi dấu bằng những ngày tháng đầy biến động. Sau thời kì hỗn loạn Lê - Mạc và Trịnh - Nguyễn chia cắt lãnh thổ, rồi từ tiền đề Tây Sơn thống nhất đất nước, Gia Long sau khi lên ngôi đã tìm cách phục hưng văn hoá bằng điểm tựa là hệ tư tưởng Nho giáo. Tuy nhiên, ở thời kì này, Nho giáo đã suy tàn và văn hoá phương Tây bắt đầu xâm nhập nước ta. Cuộc đụng độ mạnh mẽ về văn hóa kéo theo sự thay đổi lớn về mặt tư tưởng, xã hội, đặc biệt là sự lung lay của những giá trị văn hóa truyền thống. Điều đó trở thành mối đe dọa, trở ngại, lo âu của những người nghệ sĩ.

Trong cả hai cuốn tiểu thuyết *Nguyễn Du* và *Thông reo Ngàn Hống*, ngoài việc luận giải những vấn đề về số phận con người, Nguyễn Thế Quang còn đề cập đến vai trò của người nghệ sĩ đối với vốn văn hóa truyền thống. Ông đã rất khéo léo khi đưa chất liệu, tinh thần dân gian vào trong tác phẩm của mình. Có thể nói rằng, tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc là giá trị cơ bản trong hệ giá trị truyền thống của các dân tộc trên thế giới không riêng gì Việt Nam. Song tư tưởng ấy được hình thành sớm hay muộn, đậm hay nhạt lại tùy thuộc vào điều kiện lịch sử đặc thù của từng dân tộc, từng thời kì. Đối với đất nước ta, lòng yêu nước, tự tôn dân tộc không chỉ là một tình cảm tự nhiên mà nó còn là sản phẩm của lịch sử được hun đúc từ chính những biến cố đau thương mà hào hùng của dân tộc. Hay nói cách khác, tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc được xem là một phần không thể thiếu của vốn văn hóa truyền thống dân tộc Việt Nam. Trong *Thông reo Ngàn Hống*, Nguyễn Công Trứ trưởng thành bằng sự dạy dỗ của hệ tư tưởng Nho giáo. Thân sinh Nguyễn Công Trứ từng nói rằng: “Con là người mẫn tuệ, con của một gia đình thi thư thế phiệt, khoa giáp danh gia, được sống trên mảnh đất Ngàn Hống sông Lam chẳng may gặp cảnh bể dâu bể lâm vào sự nghèo khó nhưng không được sống hèn. Con phải tu chí học hành thành tài để có công danh với nước non con ạ” [5, tr.57]. Vâng lời cha dặn, dù khao khát cuộc sống tự do, không theo khuôn khổ nhưng Nguyễn Công Trứ luôn mang trong mình tư tưởng “trung quân ái quốc” của Nho sĩ: “Còn con, vẫn lo học, vẫn luôn đặt lên đầu ba chữ Quân, Sư, Phụ... Con luôn nghe lời cha: dân vi quý, xã tắc thứ chi” [5, tr.57]. Đây cũng chính là tư tưởng cốt lõi theo quan điểm Nho giáo. Tư tưởng này chi phối sự nghiệp của tầng lớp Nho sĩ nói chung và Nguyễn Công Trứ nói riêng. Xét trong bối cảnh lịch sử đương thời, đề cập đến các giá trị của tư tưởng Nho giáo chính là cách những người nghệ sĩ thể hiện sự tôn trọng giá trị văn hóa truyền thống. Văn hóa, tinh thần, tâm hồn

người Việt là những giá trị văn hóa mà mỗi người nghệ sĩ luôn trân trọng, trầm tư. Mặt khác, khi đời sống xã hội bắt đầu chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng văn hóa ngoại lai, khi đạo Gia Tô đã bắt đầu manh nha thì người nghệ sĩ lại càng trân trọng, đau đáu về tác động của đời sống mới đến những giá trị xưa cũ.

Văn hóa truyền thống của dân tộc còn được Nguyễn Thế Quang khai thác một cách độc đáo bằng những trang viết về các loại hình nghệ thuật truyền thống mang bản sắc văn hóa dân tộc Việt như quan họ, ca trù. Nguyễn Công Trứ nổi tiếng là người đam mê nghệ thuật ca trù. Văn chương của ông cũng mang âm hưởng sâu sắc của loại hình nghệ thuật này. Trong *Thông reo Ngàn Hống*, Nguyễn Thế Quang không chỉ xây dựng hình ảnh một Nguyễn Công Trứ với vai trò là người nghệ sĩ say mê ca trù mà còn tái hiện lại không khí, không gian của những đêm hát ca trù: “Múa xong, các tấm chiếu cạp điều được trải ra. Các ca nương, các kép đàn ngồi xếp bằng tròn. Ông trùm ngồi cầm trống chầu. Họ bắt đầu hát. Trước hết là những bài quen thuộc của vùng Cổ Đạm... Mọi người như bị cuốn vào tiếng đàn trầm bổng, tiếng phách lúc khoan lúc nhặt cùng tiếng roi chầu quăn quýt lẩy nhau... Tiếng hát, tiếng đàn lại dịu dặt. Ca nương hát bài “Làm cho tỏ mặt nam nhi”, giọng trong trẻo mà ấm áp. Tiếng đàn cũng sôi nổi họa theo. Nguyễn cầm chầu hiểu ý, lúc thì ngắt nhịp, lúc thì giục giã, “*Đi không chẳng nhẽ lại về không*” - tiếng cuối cùng vừa ngân lên đủ cho mọi người nghe bỗng dừng lại cũng là lúc tiếng roi chầu bập vào trống, làm cho người nghe khoan khoái lạ” [5, tr.64].

Với Nguyễn Công Trứ, sự gặp gỡ ca trù giúp ông bỏ vẻ ngoài đạo mạo để thả hồn tiêu dao trong những đêm ả đào tình tứ. Say sưa trong tiếng trống chầu, đắm đuối trong thanh sắc của đào nương, tâm tình Nguyễn Công Trứ đã được ca trù nuôi dưỡng và ngược lại, chính ông cũng nuôi dưỡng nghệ thuật ca trù bằng những sáng tác hát nói để đời. Không chỉ là người thưởng thức, ông còn là một kép hát điệu nghệ. Với nghệ thuật ca trù, Nguyễn là niềm cảm hứng để giữ gìn, bảo tồn, phát huy nghệ thuật truyền thống của dân tộc. Nguyễn Thế Quang đã tạo một chiếc cầu nối cho độc giả thời hiện đại đặc biệt là độc giả trẻ được đến với văn hóa truyền thống bằng một câu chuyện lịch sử thú vị.

Giữ gìn văn hóa truyền thống còn thể hiện ở niềm tự hào với mảnh đất mà mình sinh ra. Từ bao đời nay, cùng với sông Lam, Ngàn Hống là biểu tượng văn hóa của quê hương Hà Tĩnh, là hồn thiêng của sông núi Xứ Nghệ. Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ may mắn được sinh ra nơi mảnh đất địa linh nhân kiệt ấy. Vì vậy, trong những trang viết của mình, nhà văn để các nhân vật bày tỏ tình yêu, niềm tự hào đối với quê hương Ngàn Hống: “Ngàn Hống là nơi hội tụ khí thiêng sông núi của xứ Nghệ, hun đúc cho con người cần cù mà hiếu học, uyên bác mà tài hoa, cương trực mà trung dũng, nên đời nào cũng lắm bậc anh hào” [5, tr.53]. Thật vậy, mảnh đất Ngàn Hống đã nuôi dưỡng tâm hồn, tính cách cao quý của biết bao kẻ sĩ. Và có lẽ, chính

mảnh đất giàu truyền thống ấy đã làm nên cốt cách văn hóa, nhân văn trong tâm hồn của Nguyễn Du và Nguyễn Công Trứ.

Nói đến Nguyễn Du, độc giả Việt Nam không thể không nhắc tới *Truyện Kiều*. Bồi lẽ, đứng về mặt nghệ thuật, cho đến nay *Truyện Kiều* vẫn là hòn ngọc sáng nhất và là đỉnh cao chói lọi nhất của tiếng nói Việt Nam, của văn học dân tộc. Một trong những phương diện góp phần làm nên kiệt tác có một không hai này chính là ở việc Nguyễn Du lựa chọn và sử dụng chất liệu dân gian. Trong tiểu thuyết *Nguyễn Du*, Nguyễn Thế Quang dành khá nhiều trang viết để khắc họa bối cảnh sáng tạo *Truyện Kiều*. Sau chuyến đi sứ sang Trung Quốc, Nguyễn Du viết đơn xin nghỉ phép về quê với lý do tu sửa phần mộ tổ tiên. Tại đây, Nguyễn Du đã nhờ Nguyễn Thiện dựng Vọng Giang đình và áp ú viết “một truyện thơ như kiêu Hoa Tiên” [4, tr.225] từ cuốn sách *Kim Vân Kiều truyện* mà ông mang về sau chuyến đi sứ. Trong cuộc đối thoại với Nguyễn Thiện, ông chia sẻ: “Truyện của Thanh Tâm tài tử chỉ là cái cốt, cái có để chú nói chuyện nước mình, người mình, nỗi đau của người Việt mình, khát vọng của người Việt mình, ký thác tâm sự của mình... Lúc đầu chú định viết song thất lục bát như kiêu *Chinh phụ ngâm* mà Phan Huy Ích diễn Nôm. Nhưng sau đó nghĩ lại thấy song thất lục bát giọng đều, trầm và buồn quá. Và lại truyện của chú phải dài hơn, viết thể nặng nề. Chú viết lục bát. Thể thơ này quen thuộc mọi người dân ta hơn” [4, tr.225]. Như vậy, ngay từ đầu, Nguyễn Du đã khao khát viết nên một câu chuyện mang bản sắc văn hóa, tâm hồn con người Việt Nam. Với *Truyện Kiều*, ông đã chắt lọc những phần tinh tú nhất trong lời ăn, tiếng nói của nhân dân, đặc biệt là ngôn ngữ văn học dân gian, thông qua việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo và dày đặc các khẩu ngữ, ngoa ngữ, thành ngữ, ca dao, tục ngữ và một số thành ngữ Hán Việt đã được “thuần Việt”. Ngược lại, quần chúng nhân dân đã vay mượn ngôn ngữ và các nhân vật của tác phẩm này để xây dựng thêm nhiều câu thành ngữ, ca dao và dân ca mới để biểu đạt những sắc thái tình cảm phong phú trong cuộc sống thường nhật của mình. Không ai có thể phủ nhận được rằng, tiếng Việt trở nên giàu có, phong phú, tinh tú và đặc sắc hơn, văn chương Việt Nam được bạn bè thế giới biết đến nhiều hơn một phần là nhờ *Truyện Kiều*.

Như vậy, nếu *Mẫu Thượng Ngàn* là sự suy tư của Nguyễn Xuân Khánh về vấn đề cội nguồn sức mạnh văn hóa dân tộc Việt, *Gió lửa* của Nam Dao là hành trình truy tìm những giá trị vĩnh hằng của tự do, dân chủ, *Đàn đáy* của Trần Thu Hằng là khát vọng về cuộc sống bình yên và nỗi đau thể thái nhân tình, thì *Nguyễn Du và Thông reo Ngàn Hông* của Nguyễn Thế Quang thổi hồn vào lịch sử, văn hóa bằng cảm hứng dân tộc đắm say, chất thơ bàng bạc, chất triết thuyết và chất nhân văn sâu sắc.

Không dừng lại ở việc gìn giữ, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống, trong tư tưởng của các nhân vật còn mang tinh thần thời đại hết sức mới mẻ, tiến bộ. Trong tiểu thuyết *Nguyễn Du*, Nguyễn Thế Quang tô đậm thân phận, bi kịch thảm khốc và vĩ đại của người nghệ sĩ, trí thức trong mọi xã hội không có hoặc chưa có công lí, ở đó công lí còn nằm trong tay kẻ dốt nát, bất lương, tàn bạo, độc quyền. Hơn thế

nữa, Nguyễn Du còn khao khát tìm ánh sáng lí tưởng giải phóng con người, xã hội. Cuộc gặp gỡ với Chaigneau Thắng đã giúp Nguyễn Du bừng ngộ. Trong những giây phút cuối đời, điều Nguyễn Du trăn trở, khát khao chính là ba chữ: Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Hình tượng Nguyễn Du nhắm mắt trong hào quang Tự do - Bình đẳng - Bác ái với niềm tin mai hậu sẽ đời khác mang một cảm hứng, ý nghĩa chan chứa lạc quan. Với ý tưởng sáng tạo một Nguyễn Du đi tìm ánh sáng tự do, Nguyễn Thế Quang đưa ra cách cảm - cảm giác, cảm xúc, cách luận giải mới lạ về một nhân vật đã quá nổi tiếng trong lịch sử. Con người được tự do; Cái Đẹp được tôn thờ và không ai hủy diệt được. Đó chính là Nguyễn Du, là xã hội ông mong muốn và khẳng định và là điều Nguyễn Thế Quang tri âm, thể hiện được trong cuốn sách này.

Có thể nói rằng, xét về khía cạnh lịch sử của thời đại, Nguyễn Công Trứ là nhà tư tưởng, bởi trước đây hơn 200 năm khi đất nước đang ở chế độ quân chủ nghĩa là chỉ có vua và bầy tôi, ấy vậy mà Nguyễn Công Trứ đã có một thái độ sống khác biệt. Trong xã hội phong kiến đương thời, đây rầy những khuôn mẫu, lễ nghi, phép tắc, Nguyễn lại chọn cách sống rất “ngắt ngưỡng”. Thực ra thái độ và cách sống ấy của ông được bắt nguồn từ một bản lĩnh đầy tự tin, một ý thức muốn khẳng định cái tôi cá nhân độc đáo. Là một kẻ sĩ, Nguyễn Công Trứ hiểu hơn ai hết nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với đất nước. Tuy nhiên, cách hành xử của ông đối với quyền lực, khoa cử, quyền lợi lại rất đặc biệt. Có công dẹp loạn Ba Vành nhưng không hề mong muốn nhận một chút bổng lộc nào, điều duy nhất khiến ông thích thú đó là được mở một chiếu hát trong đêm. Con đường hoạn lộ gặp nhiều thăng trầm, khi làm Tham tán, Tổng đốc, khi lại thành anh lính thú nhưng ông vẫn sống điềm nhiên, vui vẻ chỉ với một mục đích duy nhất là cống hiến cho dân cho nước. Cống hiến, hi sinh nhưng cũng biết cách hành lạc, hưởng thụ, Nguyễn Công Trứ có cách sống, lối sống rất khác người và tất nhiên mang lại cho ông không ít phiền toái. Đặt lối hành xử ấy vào xã hội đương thời, chúng ta nhìn thấy sự mới mẻ, rất lạ, rất riêng của một bậc trí thức lớn. Đó chính là tinh thần thời đại mà không phải kẻ sĩ nào cũng có được.

Thông qua những câu chuyện lịch sử, Nguyễn Thế Quang đã đưa ra sự phân tích, luận giải về vấn đề văn hóa, tinh thần thời đại. Trên cơ sở những luận giải đó, nhà văn đã đề cập đến vấn đề văn hóa của cuộc sống hiện tại. Trong bối cảnh đời sống kinh tế thị trường, con người mài miết lao vào guồng quay của đồng tiền, đề cao giá trị vật chất mà dần dần hạ thấp giá trị tinh thần thì điều Nguyễn Thế Quang gửi gắm thể hiện sự trăn trở, lo âu về những vấn đề quan trọng quyết định sự tồn vong của cả một dân tộc. Tác phẩm chính là nơi nhà văn đưa ra những ý kiến, có thể nói là lời nhắc nhở cần thiết cho con người hôm nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Văn Hùng (2013), “Mã lịch sử và mã văn hóa trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau 1986”, Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, số 770.
- [2]. Nguyễn Văn Hùng (2014), *Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau năm 1986 dưới góc nhìn tự sự học*, Luận án Tiến sĩ Văn học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Khắc Phê (2015), “Nguyễn Thế Quang và ba cuốn tiểu thuyết lịch sử vừa xuất bản”, Tạp chí *Nhà văn & tác phẩm*, số 14.
- [4]. Nguyễn Thế Quang (2010), *Nguyễn Du*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Thế Quang (2015), *Thông reo Ngàn Hồng*, Nxb Trẻ, Hà Nội.

**HISTORY AND CULTURE IN THE ARTISTIC VISION
OF NGUYEN THE QUANG****Bui Nguyen Sao Mai**

University of Sciences, Hue University

Email: buinguyensaomai@quangbinh.edu.vn

ABSTRACT

The historical novel by Nguyen The Quang is a vivid expression for efforts of exploring, experience, and thought innovation of the historical narrative. With the concept of deeply exploring human destiny, dialogue with reality, Nguyen The Quang has brought an objective perspective, democracy and dialogue on historical and cultural issues. Concurrently, the writer has also expressed his own concerns about the responsibility of intellectuals towards the destiny of the nation and cultural values and the spirits of times as well . This article focuses on clarifying the historical and cultural interpretations of Nguyen The Quang's artistic vision through two historical novels *Nguyen Du* and *Pine Whistles in Ngan Hong*.

Keywords: historical novel, spirits of times, traditional culture.



Bùi Nguyễn Sao Mai sinh ngày 28/7/1990 tại Quảng Bình. Cô tốt nghiệp Cử nhân Ngữ văn năm 2013 tại Trường Đại học Vinh, tốt nghiệp Thạc sĩ Lí luận văn học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế năm 2019. Từ năm 2013 đến nay, cô là giáo viên Trường THPT Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lí luận văn học.